

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04/8/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kim Niệm;

Bà Trần Thị Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn L, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 14 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà và ông L không còn chung sống với nhau mà đã ly thân từ đầu năm 2022, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Nguyễn L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn LA, sinh ngày 03/9/2012. Hiện tại, cháu Nguyễn LA đang sống cùng bà H và trên 07 tuổi. Nếu được Tòa án cho ly hôn với ông L, bà tôn trọng quyền quyết định của con Nguyễn LA, nếu con LA có nguyện vọng được sống cùng bà, bà yêu cầu ông Nguyễn L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải và biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về thời gian kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn và ông vẫn còn yêu thương vợ. Với yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn LA, sinh ngày 03/9/2012. Hiện tại, cháu Nguyễn LA đang sống cùng bà H và trên 07 tuổi. Nếu bà H được Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý giao con chung Nguyễn LA cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có yêu cầu phản tố với bà H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L. Bị đơn ông L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn, còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, ông L và bà H không còn sống chung. Viện kiểm sát xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông L và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn LA, sinh ngày 03/9/2012. Theo nguyện vọng của con chung Nguyễn LA được sống cùng mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn LA cho Bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn L cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn LA số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi, ông L đồng ý cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và kiến nghị khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Nguyễn L đang thường trú tại xã TL, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Bị đơn ông Nguyễn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn L.

[4] Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện P ngày 22 tháng 4 năm 2022 thì ông L và bà H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông L và bà H thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay đề nghị chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Hiện tại, bà H và ông L đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn L theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông L và bà H có 01 con chung tên Nguyễn LA, sinh ngày 03/9/2012. Hiện tại, cháu Nguyễn LA đang sống cùng bà H và đã trên 07 tuổi.

[6.1] Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn LA được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn LA cho Bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu, điều kiện nuôi dưỡng con chung của Bà Nguyễn Thị H.

[6.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn L phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn LA số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi, quá trình hòa giải ông L đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà H nhưng ông L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn LA số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp tình hình thực tế tại địa phương nên chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn L.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung Nguyễn LA, sinh ngày 03/9/2012 cho Bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3.2. Buộc ông Nguyễn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn LA, sinh ngày 03/9/2012 số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

3.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.4. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.5. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do Bà Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007800 ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

5.2. Ông Nguyễn L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Ân**